

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH SƠN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2018/ DS-ST
Ngày 28/11/2018
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH SƠN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Việt Giang.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Ngọc Ánh.

2. Ông Nguyễn Gia Thắng.

Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Ngọc Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Sơn tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Minh Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: 31/2018/TLST-DS ngày 05 tháng 7 năm 2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2018/QĐST-DS ngày 08 tháng 11 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 62/2018/QĐST-DS ngày 19/11/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Triệu Hải S, sinh năm 1951.

Và bà Nguyễn Kim D, sinh năm 1956.

Địa chỉ: Phố C Đ, thị trấn T S, huyện M, tỉnh Phú Thọ.

(Ông S, bà D đều đề nghị xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Anh Đinh Việt B, sinh năm 1972.

Và chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Phố C Đ, thị trấn T S, huyện M, tỉnh Phú Thọ.

(Anh B, chị H đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình làm việc tại Tòa án nguyên đơn ông Triệu Hải S và bà Nguyễn Kim D trình bày:

Anh Đinh Việt B và chị Nguyễn Thị H có nợ ông S bà D số tiền 160.000.000đ, thể hiện ở giấy nhận nợ được anh B, chị H ký nhận ngày 16/11/2012, khi nhận nợ anh B chị H có cam kết từ tháng 3 năm 2013 trở đi mỗi tháng sẽ trả ông S bà D số tiền 3.000.000đ tiền gốc và không tính lãi. Sau đó anh B chị H đã trả được hai tháng tiền gốc tổng số tiền là 6.000.000đ, còn nợ lại số tiền 154.000.000đ. Từ đó đến nay anh B chị H không trả cho ông bà thêm khoản tiền nào, mặc dù ông bà đã đến gia đình anh B chị H yêu cầu trả hết số tiền nợ còn lại là 154.000.000đ nhưng anh chị không trả. Nay ông S bà D đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn giải quyết buộc anh B chị H phải trả cho ông bà số tiền gốc còn nợ là 154.000.000đ (Một trăm năm mươi tư triệu đồng). Về tiền lãi ông S bà D yêu cầu anh B chị H phải trả lãi đối với số nợ trên với mức lãi suất 0,75%/ tháng, thời điểm tính lãi từ 16/8/2017 đến khi xét xử sơ thẩm.

Tại biên bản lấy lời khai bị đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Khoảng năm 2010 vợ chồng anh chị có vay của ông S bà D số tiền khoảng 400.000.000đ đến 500.000.000đ (số tiền cụ thể anh chị không nhớ rõ), đến năm 2012 vợ chồng anh chị vỡ nợ không có khả năng thanh toán cho ông S bà D khoản nợ trên. Vợ chồng chị đã làm hợp đồng chuyển nhượng 01 ngôi nhà hai tầng một tum để trừ vào số nợ đã vay cho ông S bà D. Số tiền còn nợ lại ông S bà D là 160.000.000đ, vợ chồng anh B chị H có viết giấy nhận nợ ngày 16/11/2012 và cam kết mỗi tháng sẽ trả ông S bà D số tiền gốc là 3.000.000đ từ ngày 16 tháng 11 năm 2012 cho đến khi trả nợ xong. Từ đó đến nay chị đã thanh toán xong số nợ trên như đã thỏa thuận, nhưng khi trả tiền không viết giấy tờ gì nên chị không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì về việc đã trả nợ chyo tòa án. Nay ông S bà D khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh chị phải trả số tiền còn lại là 154.000.000đ, quan điểm chị H đề nghị cho vợ chồng chị trả dần mỗi tháng 4.000.000đ đến khi trả hết số tiền gốc trên.

Quan điểm của anh Đinh Việt B trình bày: Anh xác định ngày 16/11/2012 anh có nhận nợ của ông S bà D số tiền là 160.000.000đ và có thỏa thuận thanh toán hàng tháng là 3.000.000đ và không tính lãi số tiền này. Đến nay anh đã thanh toán đầy đủ số tiền trên do sơ suất khi thanh toán hàng tháng anh đã không ghi chép nhận và giao tiền đầy đủ. Anh xác định thời hiệu khởi kiện về hợp đồng dân sự giữa ông S bà D với vợ chồng anh chị đã hết thời hiệu khởi kiện anh đề nghị Tòa

án đình chỉ giải quyết vụ án.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát:

Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật. Các đương sự: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh B, chị H vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Triệu Hải S và bà Nguyễn Kim D. Buộc anh Đinh Việt B và chị Nguyễn Thị H phải có nghĩa vụ trả cho ông Triệu Hải S và bà Nguyễn Kim D số tiền còn nợ là 154.000.000đ (Một trăm năm mươi tư triệu đồng) và tiền lãi là 16.632.000đ (Mười sáu triệu sáu trăm ba mươi hai nghìn đồng).

Về án phí: Anh Đinh Việt B và chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn ông Triệu Hải S và bà Nguyễn Kim D khởi kiện yêu cầu bị đơn là anh Đinh Việt B và chị Nguyễn Thị H, trú tại phố C Đ, thị trấn T S, huyện M về tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Do vậy Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn thụ lý giải quyết là phù hợp với khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Nguyên đơn ông Triệu Hải S và bà Nguyễn Kim D đều đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Đinh Việt B và chị Nguyễn Thị H được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt nên vụ án không thể tiến hành hòa giải được và Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông S bà D và anh B chị H là phù hợp quy định tại Điều 227, điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Triệu Hải S và bà Nguyễn Kim D thấy rằng: Về giấy nhận nợ: Theo nội dung giấy nhận nợ bản gốc đã lập thì

anh B chị H còn nợ ông S bà D số tiền 160.000.000đ. Giấy nhận nợ có đầy đủ chữ ký của anh B chị H. Quá trình giải quyết vụ án ông S bà D và anh B chị H đều xác nhận số tiền theo giấy nhận nợ hai bên đã thống nhất lập là đúng. Theo ông S và bà D trình bày từ khi nhận nợ đến nay anh B chị H đã trả được số tiền gốc là 6.000.000đ cho ông S bà D, còn nợ lại 154.000.000đ. Xét ý kiến của anh Đinh Việt B và chị Nguyễn Thị H cho rằng: Thực tế số tiền 160.000.000đ vợ chồng anh chị đã trả đầy đủ như cam kết trong giấy nhận nợ cho ông S bà D, đến nay đã trả xong số tiền trên không còn nợ gì, nhưng khi anh B chị H trả tiền cho ông S bà D do chủ quan nên anh chị không làm giấy tờ, biên nhận gì về việc trả nợ, anh chị cũng không có tài liệu, chứng cứ gì về việc đã trả xong khoản nợ trên cho ông S bà D là đúng. Nay chị H xin được trả dần số nợ trên cho ông S bà D. Quan điểm ông S bà D không nhất trí để anh B chị H trả dần số tiền trên, ông bà cũng không thừa nhận việc anh B chị H cho rằng đã trả xong khoản nợ trên cho ông bà theo như cam kết.

Hội đồng xét xử nhận thấy việc vợ chồng anh B chị H nhận nợ với ông S bà D là đúng, đã được các đương sự thừa nhận. Tuy nhiên anh B chị H cho rằng đã trả xong khoản nợ 160.000.000đ cho ông S bà D là không có căn cứ, thể hiện ở việc anh B chị H không đưa ra được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho việc đã trả hết nợ cho ông S bà D, bản thân ông S bà D cũng không thừa nhận việc đó. Do vậy cần buộc vợ chồng anh B chị H phải trả cho ông S bà D toàn bộ số tiền còn nợ là 154.000.000đ (Một trăm năm mươi tư triệu đồng) là có căn cứ theo quy định tại điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005.

Về lãi suất: Nguyên đơn ông S bà D yêu cầu tính lãi đối với số tiền nợ 154.000.000đ từ 16/8/2017 là khi hết thời hạn trả nợ đến khi xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 0,75%/ tháng. Bị đơn anh Đinh Việt B và chị Nguyễn Thị H không đến tòa án làm việc nên có quan điểm gì về lãi suất. Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại giấy nhận nợ các bên thống nhất không tính lãi. Giấy nhận nợ giữa ông S bà D với anh B chị H được xác lập trước ngày 01/01/2017 có tranh chấp nên áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết. Mức lãi suất ông S bà D yêu cầu là phù hợp với khoản 1 điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005. Do vậy yêu cầu tính lãi xuất của ông S bà D là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005. Thời điểm tính lãi từ ngày 16 tháng 8 năm 2017 đến ngày xét xử sơ thẩm 28/11/2018 là 14 tháng 12 ngày. Cụ thể: $(154.000.000đ \times 0,75\%) \times 14 \text{ tháng } 12 \text{ ngày} = 16.632.000đ$ (Mười sáu triệu sáu trăm ba mươi hai nghìn đồng).

Về thời hạn và phương thức thanh toán: Nguyên đơn ông S bà D không đồng ý cho anh B chị H trả nợ dần nên khi án có hiệu lực pháp luật anh B chị H phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ một lần toàn bộ số tiền còn nợ và tiền lãi cho ông S bà D là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của ông S bà D được chấp nhận nên ông S bà D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Vợ chồng anh B chị H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 471; Điều 474; Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; Khoản 1 Điều 147; Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Triệu Hải S và bà Nguyễn Kim D.

Buộc anh Đinh Việt B và chị Nguyễn Thị H phải có nghĩa vụ trả cho ông Triệu Hải S và bà Nguyễn Kim D số tiền còn nợ là 154.000.000đ (Một trăm năm mươi tư triệu đồng) và tiền lãi là 16.632.000đ (Mười sáu triệu sáu trăm ba mươi hai nghìn đồng). Tổng cả gốc và lãi là: 170.632.000đ (Một trăm bảy mươi triệu sáu trăm ba mươi hai nghìn đồng). Trả làm một lần kể từ khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Buộc anh Đinh Việt B, chị Nguyễn Thị H phải nộp 8.531.000đ (Tám triệu năm trăm ba mươi một nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho ông Triệu Hải S, bà Nguyễn Kim D số tiền 3.800.000đ (Ba triệu tám trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0001417 ngày 04/7/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Sơn.

"Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 - luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự."

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở UBND xã nơi các đương sự thường trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh + huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Việt Giang